TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2023/HS-ST
Ngày: 12-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Từ Thị Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 225/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Cao Văn L, sinh năm 1985 tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã T, huyện A, Kiên Giang; nơi ở: Khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Cao Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; có vợ là Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1985; có 01 con sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Lượng Thị L1, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, Bến Tre; nơi ở: Khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn

giáo: Không; con ông Lượng Văn T1, sinh năm 1950 và bà Định Thị Ú, sinh năm 1952; có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1990 tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nơi ở: Khu phố F, phường T, thị xã B, Bình Dương; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 0/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964; có chồng là Nguyễn Văn T2, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Võ Thị Ú1, sinh năm 1963 tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã P, H . V, Kiên Giang; nơi ở: Khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Võ Thành H2 (đã chết) và bà Đỗ Thị G (đã chết); có chồng là Nguyễn Tấn C (đã chết); có 04 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984 tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi ở: Phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị H3, sinh năm 1964; vợ là Lê Hồng Ý, sinh năm 1985.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

6. Trần Cẩm L3, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre; nơi ở: Khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề

nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T3, sinh năm 1961 và bà Lại Thị Cẩm H4, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

7. Vũ Bá Đ, sinh năm 1995 tại tỉnh Ninh Bình; hộ khẩu thường trú: Xóm A T, xã G, huyện G, Ninh Bình; nơi ở: Khu phố.6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Bá P, sinh năm 1964 và bà Lê Thị T4, sinh năm 1967; có vợ là Trần Thị T5, sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

8. Nguyễn Thị Tố Q1, sinh năm 1979 tại tỉnh Long An; hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; nơi ở: Khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Ú2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1953; có chồng là Trịnh Văn T6 (không rõ năm sinh); có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/3/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tuyên xử 05 tháng 01 ngày tù (thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam, tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa) về tội "Đánh bạc", án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, đã chấp hành xong án phí ngày 04/5/2016.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

9. Phạm Thị Mỹ T7, sinh năm 1975 tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở: Khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thanh T8, sinh năm 1950; có 05 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1967, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

10. Phạm Mỹ D, sinh năm 1986 tại tỉnh Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nơi ở: Khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Thành P1 (đã chết) và bà Phạm Thị T9, sinh năm 1953; có chồng là Trần Văn H5, sinh năm 1984; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2022, Cao Văn L đến thuê phòng trọ số 1 thuộc nhà T thuộc khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương để ở và đi làm công nhân. Tại đây, L được chủ nhà trọ là ông Nguyễn Xuân N (sinh năm 1958; hộ khẩu thường trú: Khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương) nhờ quản lý trông coi nhà trọ, vì ông N ở nơi khác. Do Lâu thấy phòng trọ số 02 không có người thuê ở và muốn kiếm thêm thu nhập, L đã nảy sinh ý định rủ rê người khác đến đánh bạc để thu tiền xâu. Lâu mua sẵn các bộ bài tây loại 52 lá và nước uống để ở trong phòng số 02 để phục vụ cho các đối tượng đánh bạc.

Khoảng 18 giờ, ngày 18/3/2023, L gọi điện thoại rủ Phạm Mỹ D và trực tiếp đi rủ Lượng Thị L1, Nguyễn Thị Thu A đến để chơi bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền. Võ Thị Ú1, Nguyễn Văn Q, Trần Cẩm L3, Vũ Bá Đ, Nguyễn Thị Tố Q1, Phạm Thị Mỹ T7 biết Lâu tổ chức đánh bạc cũng lần lượt đến tham gia chơi đánh bạc.

Cách thức đánh bạc dưới hình thức chơi bài cào 3 lá của cả nhóm như sau: Trong một ván bài, người làm cái chia đều cho từng người chơi, mỗi người 03 lá bài. T10 thua được xác định thông qua việc so sánh bài trực tiếp giữa người chơi và người làm cái. Bên nào có bài lớn hơn thì thắng ngược lại thì thua, nếu bài hai bên bằng nhau thì hòa. Việc so sánh bài với nhau căn cứ vào tổng số điểm trên cả 3 lá bài. Nếu tổng số điểm lớn hơn thì bài đó lớn hơn và ngược lại thì nhỏ hơn, tổng số điểm bằng nhau thì bài bằng nhau. Lá A tính là 1 điểm lần lượt cho đến lá 9 tính là 9 điểm. Các lá 10, J, Q, K tính là 0 điểm. Tổ hợp bất kỳ giữa ba lá J, Q, K các chất bài lại với nhau đều cho ra bài lớn nhất. Các chất bài gồm bích, chuồn, rô, cơ có giá trị như nhau và không phân biệt khi tính điểm. Việc cược tiền được thực hiện thông qua đặt trực

tiếp trên chiếu bạc trước mỗi ván chơi. Không có ai làm cái cố định mà xoay vòng theo lượt, tới lượt mà không muốn làm cái thì nhường cho người cạnh bên làm. Mỗi người làm cái, nếu thắng sẽ cho L tiền xâu từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Tiền cược mỗi ván do người làm cái quy định, thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất là 300.000 đồng.

Cả nhóm đánh bạc đến 23 giờ cùng ngày, thì bị lực lượng Công an phường T phát hiện bắt quả tang và thu giữ các vật chứng bao gồm:

- 01 Điện thoại di động hiệu Vivo V2026 màu đen của Phạm Mỹ D;

- 01 Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A31 màu xanh của Cao Văn L.

- 04 Bộ bài tây loại 52 lá, trong đó gồm: 03 bộ chưa sử dụng và 01 bộ đã qua sử dụng.

- Số tiền 73.700.000 đồng, gồm: Tiền trên chiếu bạc là 12.690.000 đồng và tiền thu giữ trên người là 61.010.000 đồng, trong đó: Thu giữ của Nguyễn Thị Thu A là 1.000.000 đồng, của Trần Cẩm L3 là 300.000 đồng, của Phạm Mỹ D là 12.000.000 đồng, của Võ Thị Ú1 là 1.500.000 đồng, của Phạm Thị Mỹ T7 là 16.500.000 đồng, của Lượng Thị L1 là 27.000.000 đồng, của Cao Văn L là 2.710.000 đồng.

Số tiền dùng để đánh bạc của từng người cụ thể như sau:

- Cao Văn L khai: Lâu chuẩn bị bài, nước uống và rủ rê các đối tượng đến phòng số 02 của nhà trọ Tư Nhượng đánh bạc để thu tiền xâu. Trước khi tổ chức đánh bạc, L có 1.710.000 đồng. Đến khi bị bắt quả tang, Lâu thu xâu được 1.000.000 đồng và bị thu giữ 2.710.000 đồng trên người.

- Lượng Thị L1 khai: L1 mang theo số tiền 32.000.000 đồng nhưng chỉ lấy 3.000.000 đồng sử dụng đánh bạc. Trong lúc chơi, L1 cho Vũ Bá Đ mượn 2.000.000 đồng trong số tiền 29.000.000 đồng còn lại, sau đó Đ đã chuyển khoản lại cho L1. Đến khi bị bắt quả tang, L1 thua 300.000 đồng, bị thu giữ 27.000.000 đồng trên người và 2.700.000 đồng trên chiếu bạc.

- Nguyễn Thị Thu A khai: A mang theo 2.000.000 đồng nhưng chỉ lấy 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, A thua 400.000 đồng, bị thu giữ 1.000.000 đồng trên người và 600.000 đồng trên chiếu bạc.

- Võ Thị Ú1 khai: Ú1 mang theo 2.000.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, Ú1 thắng 200.000 đồng, bị thu giữ 1.500.000 đồng trên người và 700.000 đồng trên chiếu bạc.

- Nguyễn Văn Q khai: Q mang theo 2.000.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, Q thua 1.600.000 đồng, bị thu giữ 400.000 đồng trên chiếu bạc.

- Trần Cẩm L3 khai: L3 mang theo 1.500.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, L3 thua 600.000 đồng, bị thu giữ 300.000 đồng trên người và 600.000 đồng trên chiếu bạc.

- Vũ Bá Đ khai: Đ mang theo 4.000.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, Đ thua 1.800.000 đồng, bị thu giữ 2.200.000 đồng trên chiếu bạc.

- Nguyễn Thị Tố Q1 khai: Q1 mang theo 3.600.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, Q1 thua 1.110.000 đồng, bị thu giữ 2.490.000 đồng trên chiếu bạc.

- Phạm Thị Mỹ T7 khai: T7 mang theo 17.100.000 đồng nhưng chỉ lấy 5.100.000 đồng sử dụng đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, T7 thắng là 900.000 đồng, bị thu giữ 16.500.000 đồng trên người và 1.500.000 trên chiếu bạc.

- Phạm Mỹ D khai: D mang theo 12.000.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. Trong lúc đánh bạc, những người làm cái có đưa D giữ 200.000 đồng tiền xâu để đưa lại cho L. Đến khi bị bắt quả tang, D thắng 600.000 đồng, bị thu giữ 12.000.000 đồng trên người và 800.000 đồng trên chiếu bạc.

Tổng số tiền dùng để đánh bạc của Lượng Thị L1, Nguyễn Thị Thu A, Võ Thị Ú1, Nguyễn Văn Q, Trần Cẩm L3, Vũ Bá Đ, Nguyễn Thị Tố Q1, Phạm Thị Mỹ T7 và Phạm Mỹ D là 33.990.000 đồng, trong đó: tiền thu giữ trên chiếu bạc là 12.690.000 đồng, tiền thu giữ trên người dùng để đánh bạc là 21.300.000 đồng (Lâu 1.000.000 đồng, L1 2.000.000 đồng, L3 300.000 đồng, T7 4.500.000 đồng, Ú1 1.500.000 đồng, D 12.000.000 đồng).

Quá trình điều tra, Cao Văn L, Lượng Thị L1, Nguyễn Thị Thu A, Võ Thị Ú1, Nguyễn Văn Q, Trần Cẩm L3, Vũ Bá Đ, Nguyễn Thị Tố Q1, Phạm Thị Mỹ T7 và Phạm Mỹ D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 227/CT-VKSBC ngày 28/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Cao Văn L về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Lượng Thị L1, Nguyễn Thị Thu A, Võ Thị Ú1, Nguyễn Văn Q, Trần Cẩm L3, Vũ Bá Đ, Nguyễn Thị Tố Q1, Phạm Thị Mỹ T7 và Phạm Mỹ D về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Cao Văn L mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tố Q1 mức án từ 08 (tám) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt các bị cáo Phạm Mỹ D, Phạm Thị Mỹ T7, Vũ Bá Đ, Lượng Thị L1, Võ Thị Ú1, Nguyễn Văn Q, Trần Cẩm L3, Nguyễn Thị Thu A mỗi bị cáo số tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

* Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46 và 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 Điện thoại di động hiệu Vivo V2026, màu đen của Phạm Mỹ D; 01 điện thoại di động hiệu S1 A31, màu xanh của Cao Văn L là phương tiện phạm tội; số tiền dùng để đánh bạc là 33.990.000 đồng.

- Quản thủ thi hành án số tiền 39.710.000 đồng, trong đó gồm: 1.000.000 đồng của Nguyễn Thị Thu A; 12.000.000 đồng của Phạm Thị Mỹ T7; 25.000.000 đồng của Lượng Thị L1; 1.710.000 đồng của Cao Văn L.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 Bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và 03 bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung truy tố của Viện Kiểm sát, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cở sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 23 giờ, ngày 18/3/2023, tại phòng trọ số B thuộc nhà T thuộc khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Cao Văn L đã có hành vi tổ chức cho Lượng Thị L1, Nguyễn Thị Thu A, Võ Thị Ú1, Nguyễn Văn Q, Trần Cẩm L3, Vũ Bá Đ, Nguyễn Thị Tố Q1, Phạm Thị Mỹ T7 và Phạm Mỹ D cùng nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 31.990.000 đồng, trong đó số tiền đánh bạc của:

- L1 là 3.000.000 đồng.
- A là 1.000.000 đồng.
- Ú1 là 2.000.000 đồng.
- Quan là 2.000.000 đồng.
- Lai là 1.500.000 đồng.
- Đ là 4.000.000 đồng.
- Q1 là 3.600.000 đồng.
- T7 là 6.000.000 đồng.
- D là 12.600.000 đồng.

Cao Văn L đã thu tiền xâu được số tiền là 1.000.000 đồng từ số tiền các bị cáo đánh bạc.

Xét các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn hoàn toàn biết hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham lam, tư lợi nên các bị cáo đã cố tình thực hiện. Hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương, đánh bạc còn là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác.

Hành vi của bị cáo Cao Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của các bị cáo Lượng Thị L1, Nguyễn Thị Thu A, Võ Thị Ú1, Nguyễn Văn Q, Trần Cẩm L3, Vũ Bá Đ, Nguyễn Thị Tố Q1, Phạm Thị Mỹ T7 và Phạm Mỹ D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, bản Cáo trạng số 227/CT-VKSBC ngày 28/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo Lượng Thị L1, Nguyễn Thị Thu A, Võ Thị Ú1, Nguyễn Văn Q, Trần Cẩm L3, Vũ Bá Đ, Phạm Thị Mỹ T7 và Phạm Mỹ D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo Cao Văn L có ông bà ngoại là người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho từng bị cáo.

[4] Về nhân thân: Ngày 25/3/2016, bị cáo Nguyễn Thị Tố Q1 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tuyên xử 05 tháng 01 ngày tù (thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam, tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa) về tội "Đánh bạc", án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Ngày 04/5/2016, đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Xét về tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo L đã bị truy tố về hành vi tổ chức. Trong hành vi đánh bạc, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra tính chất, mức độ phạm tội còn căn cứ trên số tiền dùng để đánh bạc của từng bị cáo là khác nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng, về biện pháp tư pháp và hình phạt áp dụng đối với bị cáo Q1 là phù hợp nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo còn lại là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức hình phạt tiền đối với các bị cáo T7, Đ, L1, Ú1, Q, L3 và A thấp hơn mức đề nghị, quyết định áp dụng mức hình phạt tiền đối với bị cáo D cao hơn mức đề nghị. Xét bị cáo Cao Văn L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo L ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với các vật chứng thu giữ bao gồm: 01 Điện thoại di động hiệu Vivo V2026 màu đen của bị cáo D; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A31 màu xanh của bị cáo L là tài sản các bị cáo này sử dụng làm phương tiện liên lạc phục vụ cho việc phạm tội; số tiền 33.990.000 đồng là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7.2] Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo tổng cộng là 39.710.000 đồng, trong đó gồm: 1.000.000 đồng của bị cáo A; 12.000.000 đồng của bị cáo T7; 25.000.000 đồng của bị cáo L1; 1.710.000 đồng của bị cáo L. Do không có căn cứ xác định các bị cáo sử dụng số tiền này vào việc phạm tội hay tiền các bị cáo có được từ việc phạm tội. Cần quản thủ số tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án của từng bị cáo.

[7.3] Đối với 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng và 03 (ba) bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng. Xét đây là vật chứng của vụ án do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Cao Văn L phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

Tuyên bố các bị cáo Lượng Thị L1, Nguyễn Thị Thu A, Võ Thị Ú1, Nguyễn Văn Q, Trần Cẩm L3, Vũ Bá Đ, Nguyễn Thị Tố Q1, Phạm Thị Mỹ T7 và Phạm Mỹ D phạm tội "Đánh bạc".

2. Về điều khoản áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Cao Văn L số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tố Q1 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ vào thời gian đã tạm giữ từ ngày 18/3/2023 đến ngày 28/3/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Mỹ Duyên số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thị Mỹ T7 số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Vũ Bá Đ số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Lượng Thị L1 số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Võ Thị Ú1 số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Trần Cẩm L3 số tiền 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu A số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 Điện thoại di động hiệu Vivo V2026 màu đen;

+ 01 Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A31 màu xanh;

+ Số tiền 33.990.000 đồng.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 Bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng;

+ 03 Bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng.

- Tuyên quản thủ để đảm bảo cho việc thi hành án đối với số tiền:

+ 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thu A;

+ 12.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Thị Mỹ T7;

+ 25.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Lượng Thị L1;

+ 1.710.000 đồng thu giữ của bị cáo Cao Văn L.

(Theo Giấy nộp tiền ngày 16/11/2023 do Công an thị xã B *nộp vào Tài khoản số 3949.0.1046035 tại* Kho bạc Nhà nước thị xã B*, tỉnh Bình Dương và Biên bản về*

việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Nhung